ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN TU MƠ RÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 530a /QĐ-UBND	*Tu Mơ Rông, ngày 15 tháng 11 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 của UBND huyện về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương; mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TU MƠ RÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số: 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia; 653/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết Số 24/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2022 về mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương; mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát

triển nguồn ngân sách Trung ương; mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định 528/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện về mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương; mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông;

Căn cứ Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 của UBND huyện về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương; mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án đầu tư năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 736/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án đầu tư năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện về điều chỉnh Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện về mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương; mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông;

Theo đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Công văn số 1794/CV-TCKH ngày 15 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 của UBND huyện về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương; mức vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông, cụ thể:

1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Điều chỉnh, bổ sung 03 danh mục, dự án đầu tư giai đoạn 2021-2025.

2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Điều chỉnh, bổ sung 23 danh mục, dự án đầu tư giai đoạn 2021-2025.

3. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 - 2025: Điều chỉnh, bổ sung 39 danh mục, dự án đầu tư.

4. Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện.

- Quyết định này là một bộ phận không thể tách rời Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 của Ủy ban nhân dân huyện.

(chi tiết tại biểu kèm theo)

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1 và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm quản lý và sử dụng nguồn kinh phí được giao đúng mục đích; thanh, quyết toán đúng chế độ, quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện, Thủ trưởng các đơn vị: Lao động, Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính- Kế hoạch, Kho bạc nhà nước huyện; Dân tộc; Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (t/h);
- Ủy ban nhân dân tỉnh (b/c);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Sở Tài chính (b/c);
- Ban Dân tộc (b/c);
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (b/c);
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (b/c);
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND huyện;
- Lưu VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Võ Trung Mạnh

DANH MỤC DỰ ÁN (ĐIỀU CHỈNH) ĐẦU TƯ THUỘC CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 530a/QĐ-UBND, ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tu Mơ Rông)

ĐVT: Triệu đồng

Theo Quyết định số 245/QĐ-UBND ngày 07/7/2022 của UBND huyện								Danh mục dự án/công trình điều chỉnh, bổ sung							
TT	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025		Dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025		Dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù	Ghi chú
			Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	*Trong đó: Vốn NSTW*	Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	*Trong đó: Vốn NSTW*				Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	*Trong đó: Vốn NSTW*	Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	*Trong đó: Vốn NSTW*		
I	**Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**							**Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**							
1	**Dự án 4**							**Dự án 4**							
1.1	Đường đi khu sản xuất Long Rô	Xã Tu Mơ Rông	2.257	1.881	2.257	1.881	x	Đường đi khu sản xuất Long Rô	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Tu Mơ Rông	2.257	1.881	2.257	1.881	x	Điều chỉnh chủ đầu tư
1.2	Đường đi khu sản xuất tập trung 03 thôn: Đăk Neang, Tu Cấp, Đăk Ka (đoạn nối tiếp giai đoạn 2)	Xã Tu Mơ Rông	2.040	1.700	2.040	1.700	x	Đường đi khu sản xuất tập trung 03 thôn: Đăk Neang, Tu Cấp, Đăk Ka (đoạn nối tiếp giai đoạn 2)	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Tu Mơ Rông	2.040	1.700	2.040	1.700	x	
1.3	Đường trục chính nội đồng thôn Tu Cấp	Xã Tu Mơ Rông	1.560	1.300	1.560	1.300	x	Đường trục chính nội đồng thôn Tu Cấp	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Tu Mơ Rông	1.560	1.300	1.560	1.300	x	
1.4	Đường đi khu sản xuất Đăk Ter thôn Kon Pia	Xã Đăk Hà	960	800	960	800	x	Đường đi khu sản xuất Đăk Ter thôn Kon Pia	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Đăk Hà	960	800	960	800	x	
1.5	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi Ngô Mông thôn Ty Tu	Xã Đăk Hà	960	800	960	800	x	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi Ngô Mông thôn Ty Tu	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Đăk Hà	960	800	960	800	x	
1.6	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi Đăk Xua, thôn Đăk Hà	Xã Đăk Hà	960	800	960	800	x	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi Đăk Xua, thôn Đăk Hà	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Đăk Hà	960	800	960	800	x	
1.7	Đường đi khu sản xuất Tê Tri thôn Ngọc Leang	Xã Đăk Hà	960	800	960	800	x	Đường đi khu sản xuất Tê Tri thôn Ngọc Leang	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Đăk Hà	960	800	960	800	x	
1.8	Đường đi khu sản xuất Te Pô Booh (đoạn nối tiếp 3) thôn Đăk Pơ Trang	Xã Đăk Hà	1.514	1.262	1.514	1.262	x	Đường đi khu sản xuất Te Pô Booh (đoạn nối tiếp 3) thôn Đăk Pơ Trang	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Đăk Hà	1.514	1.262	1.514	1.262	x	
1.9	Đường đi khu sản xuất Mooi thôn Long Tro	Xã Văn Xuôi	2.400	2.000	2.400	2.000	x	Đường đi khu sản xuất Mooi thôn Long Tro	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Văn Xuôi	2.400	2.000	2.400	2.000	x	
1.10	Đường trục chính nội đồng thôn Đăk Kinh I (đoạn cuối nối đường BT đi khu sản xuất)	Xã Ngọk Lây	1.440	1.200	1.440	1.200	x	Đường trục chính nội đồng thôn Đăk Kinh I (đoạn cuối nối đường BT đi khu sản xuất)	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Ngọk Lây	1.440	1.200	1.440	1.200	x	
1.11	Đường trục chính nội đồng thôn Đăk Xia (đoạn nối đường liên thôn Đăk Pré đi khu sản xuất) giai đoạn 1	Xã Ngọk Lây	1.200	1.000	1.200	1.000	x	Đường trục chính nội đồng thôn Đăk Xia (đoạn nối đường liên thôn Đăk Pré đi khu sản xuất) giai đoạn 1	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Ngọk Lây	1.200	1.000	1.200	1.000	x	
1.12	Đường trục chính nội đồng thôn Đăk Xia (đoạn nối đường liên thôn Đăk Pré đi khu sản xuất) giai đoạn 2	Xã Ngọk Lây	1.200	1.000	1.200	1.000	x	Đường trục chính nội đồng thôn Đăk Xia (đoạn nối đường liên thôn Đăk Pré đi khu sản xuất) giai đoạn 2	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Ngọk Lây	1.200	1.000	1.200	1.000	x	
1.13	Đường từ cầu Đăk Sông đi Tu Thó	Xã Tê Xăng	1.080	900	1.080	900	x	Đường từ cầu Đăk Sông đi Tu Thó	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Tê Xăng	1.080	900	1.080	900	x	
1.14	Đường từ Tu Thó đi khu sản xuất Tân Ba	Xã Tê Xăng	1.080	900	1.080	900	x	Đường từ Tu Thó đi khu sản xuất Tân Ba	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Tê Xăng	1.080	900	1.080	900	x	
1.15	Đường từ Đăk Viên đi Tu Thó	Xã Tê Xăng	1.200	1.000	1.200	1.000	x	Đường từ Đăk Viên đi Tu Thó	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Tê Xăng	1.200	1.000	1.200	1.000	x	
1.16	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng thủy lợi Tê Vông thôn Đăk Viên	Xã Tê Xăng	960	800	960	800	x	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng thủy lợi Tê Vông thôn Đăk Viên	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Tê Xăng	960	800	960	800	x	
1.17	Đường thôn Đăk Viên đi khu sản xuất	Xã Tê Xăng	960	800	960	800	x	Đường thôn Đăk Viên đi khu sản xuất	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Tê Xăng	960	800	960	800	x	
1.18	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng thủy lợi Tea Ít thôn Tân Ba	Xã Tê Xăng	960	800	960	800	x	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng thủy lợi Tea Ít thôn Tân Ba	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Tê Xăng	960	800	960	800	x	
1.19	Nâng cấp đường nội thôn Đăk Sông	Xã Tê Xăng	1.413	1.177	1.413	1.177	x	Nâng cấp đường nội thôn Đăk Sông	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Tê Xăng	1.413	1.177	1.413	1.177	x	
1.20	Đường từ thôn Đắk Dơn lên UBND xã	Xã Măng Ri	2.400	2.000	2.400	2.000	x	Đường từ thôn Đắk Dơn lên UBND xã	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Măng Ri	2.400	2.000	2.400	2.000	x	
1.21	Đường từ thôn Đắk Dơn sang thôn Chung Tam	Xã Măng Ri	2.400	2.000	2.400	2.000	x	Đường từ thôn Đắk Dơn sang thôn Chung Tam	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Măng Ri	2.400	2.000	2.400	2.000	x	

TT	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025		Dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025		Dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù	Ghi chú
			Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	*Trong đó: Vốn NSTW*	Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	*Trong đó: Vốn NSTW*				Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	*Trong đó: Vốn NSTW*	Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	*Trong đó: Vốn NSTW*		
1.22	Đường đi khu sản xuất Dang Bông (đoạn tiếp theo)	Xã Măng Ri	2.969	2.474	2.969	2.474	x	Đường đi khu sản xuất Dang Bông (đoạn tiếp theo)	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Măng Ri	2.969	2.474	2.969	2.474	x	
1.23	Đường đi khu sản xuất Đăk Hnăng 1	Xã Đăk Tờ Kan	1.800	1.500	1.800	1.500	x	Đường đi khu sản xuất Đăk Hnăng 1	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Đăk Tờ Kan	1.800	1.500	1.800	1.500	x	
1.24	Đường đi khu sản xuất Đăk Hnăng 2	Xã Đăk Tờ Kan	960	800	960	800	x	Đường đi khu sản xuất Đăk Hnăng 2	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Đăk Tờ Kan	960	800	960	800	x	
1.25	Đường nội thôn Kon HNông 3	Xã Đăk Tờ Kan	1.019	849	1.019	849	x	Đường nội thôn Kon HNông 3	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Đăk Tờ Kan	1.019	849	1.019	849	x	
1.26	Đường đi khu sản xuất thôn Tê Xô Trong 4	Xã Đăk Tờ Kan	1.200	1.000	1.200	1.000	x	Đường đi khu sản xuất thôn Tê Xô Trong 4	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Đăk Tờ Kan	1.200	1.000	1.200	1.000	x	
1.27	Đường đi khu sản xuất Đăk Nông	Xã Đăk Tờ Kan	1.800	1.500	1.800	1.500	x	Đường đi khu sản xuất Đăk Nông	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Đăk Tờ Kan	1.800	1.500	1.800	1.500	x	
1.28	KCH kênh mương Thủy lợi Đăk Ting 1 (sau UBND xã)	Xã Đăk Rơ Ông	660	550	660	550	x	KCH kênh mương Thủy lợi Đăk Ting 1 (sau UBND xã)	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Đăk Rơ Ông	660	550	660	550	x	
1.29	KCH kênh mương Thủy lợi Ma Rông 2	Xã Đăk Rơ Ông	684	570	684	570	x	KCH kênh mương Thủy lợi Ma Rông 2	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Đăk Rơ Ông	684	570	684	570	x	
1.30	Đường đi KSX thôn Kon Hia 2 (đoạn nhà ông A Phiên)	Xã Đăk Rơ Ông	1.440	1.200	1.440	1.200	x	Đường đi KSX thôn Kon Hia 2 (đoạn nhà ông A Phiên)	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Đăk Rơ Ông	1.440	1.200	1.440	1.200	x	
1.31	Đường đi KSX thôn Kon Hia 1 (đoạn khu di dời)	Xã Đăk Rơ Ông	1.800	1.500	1.800	1.500	x	Đường đi KSX thôn Kon Hia 1 (đoạn khu di dời)	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Đăk Rơ Ông	1.800	1.500	1.800	1.500	x	
1.32	Đường đi KSX thôn tập trung thôn Kon Hia 1	Xã Đăk Rơ Ông	1.800	1.500	1.800	1.500	x	Đường đi KSX thôn tập trung thôn Kon Hia 1	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Đăk Rơ Ông	1.800	1.500	1.800	1.500	x	
1.33	Đường đi KSX Kung Tu thôn Kạch nhỏ	Xã Đăk Sao	1.200	1.000	1.200	1.000	x	Đường đi KSX Kung Tu thôn Kạch nhỏ	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Đăk Sao	1.200	1.000	1.200	1.000	x	
1.34	Đường đi KSX thôn Kạch lớn 1(Nối tiếp GTNT)	Xã Đăk Sao	840	700	840	700	x	Đường đi KSX thôn Kạch lớn 1(Nối tiếp GTNT)	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Đăk Sao	840	700	840	700	x	
1.35	Đường đi KSX Ta Dao thôn Kạch lớn 2	Xã Đăk Sao	1.651	1.376	1.651	1.376	x	Đường đi KSX Ta Dao thôn Kạch lớn 2	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Đăk Sao	1.651	1.376	1.651	1.376	x	
1.36	Đường nội thôn Năng Lớn 3	Xã Đăk Sao	840	700	840	700	x	Đường nội thôn Năng Lớn 3	Ban quản lý thực hiện các CTMTQG Xã Đăk Sao	840	700	840	700	x	
1.37	Cầu tràn thôn Năng Lớn 2	Xã Đăk Sao	1.100	1.000	1.100	1.000		Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi Đăk Nê 1 đoạn cầu Năng nhỏ 2	Xã Đăk Sao	1.100	1.000	1.100	1.000	x	Điều chỉnh tên công trình
1.38	Nâng cấp, sửa chữa nền mặt đường, hệ thống thoát nước đường nội thôn Mô Bành 1 (từ TL 678 vào thôn Mô Bành 1)	Xã Đăk Na	960	800	960	800	x	Nâng cấp, sửa chữa nền mặt đường, hệ thống thoát nước đường nội thôn Mô Bành 1 (từ TL 678 vào thôn Mô Bành 1)	Xã Đăk Na	960	800	960	800		Điều chỉnh chủ đầu tư
2	**Dự án 5**							**Dự án 5**							
2.1	Trường PTDTBT TH xã Đăk Hà	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện													Điều chỉnh giảm tên công trình
II	**Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**							**Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**							
1	Nâng cấp đường giao thông thôn Năng Lớn 1, xã Đăk Sao	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	4.500	4.091	4.500	4.091		Nâng cấp đường giao thông thôn Năng Lớn 1, xã Đăk Sao	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	5.150	4.691	5.150	4.691		
2	Thủy lợi xã Đăk Sao (Hạng mục: thủy lợi Đăk Pri)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	2.475	2.250	2.475	2.250		Thủy lợi xã Đăk Sao (Hạng mục: thủy lợi Đăk Pri)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	1.457	1.319	1.457	1.319		

TT	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025		Dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025		Dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù	Ghi chú
			Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	*Trong đó: Vốn NSTW*	Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	*Trong đó: Vốn NSTW*				Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	*Trong đó: Vốn NSTW*	Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	*Trong đó: Vốn NSTW*		
3	Đường liên thôn từ thôn Tu Cấp vào thôn Đăk Ka - Văn Sang - Đăk Neang, xã Tu Mơ Rông	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	4.510	4.100	4.510	4.100		Đường liên thôn từ thôn Tu Cấp vào thôn Đăk Ka - Văn Sang - Đăk Neang, xã Tu Mơ Rông	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	7.900	7.110	7.900	7.110		Điều chỉnh tổng mức đầu tư
4	Quảng trường kết hợp Khu thể thao xã Đăk Hà	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	4.477	4.070	4.477	4.070		Quảng trường kết hợp Khu thể thao xã Đăk Hà	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	7.158	6.049	7.158	6.049		
5	Khu Văn hóa, kết hợp dụng cụ thể dục thể thao, xã Đăk Hà	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	4.950	4.500	4.950	4.500		Khu Văn hóa, kết hợp dụng cụ thể dục thể thao, xã Đăk Hà	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	4.389	3.990	4.389	3.990		
6	Cầu và đường vào thôn La Giông, xã Đăk Rơ Ông	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	10.575	9.614	10.575	9.614		Cầu và đường vào thôn La Giông, xã Đăk Rơ Ông	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	8.122	7.600	8.122	7.600		
7	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Riếp 1, xã Đăk Na	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	3.850	3.500	3.850	3.500		Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Riếp 1, xã Đăk Na	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	5.670	5.153	5.670	5.153		
8	Thủy lợi Kô Kip, xã Ngọk Lây	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	2.420	2.200	2.420	2.200		Thủy lợi Kô Kip, xã Ngọk Lây	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	600	547	600	547		
9	Cầu tràn qua suối thôn Mô Za, xã Ngọk Lây	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	10.181	9.255	10.181	9.255		Cầu tràn qua suối thôn Mô Za, xã Ngọk Lây	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	7.130	6.500	7.130	6.500		
10	Khu văn hóa thể thao xã Ngọk Lây	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	1.998	1.816	1.998	1.816		Khu văn hóa thể thao xã Ngọk Lây	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	2.300	2.128	2.300	2.128		
11	Trường mầm non xã Đăk Hà	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	4.840	4.400	4.840	4.400		Trường mầm non xã Đăk Hà	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện	4.900	4.709	4.900	4.709		
12	Giếng đào (NSH) thôn La Giông	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Rơ Ông	594	495	594	495	x	Giếng đào (NSH) thôn La Giông	UBND xã Đăk Rơ Ông	594	495	594	495		Điều chỉnh chủ đầu tư
13	Nâng cấp sửa chữa đường nội thôn Kon Hia 1	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Rơ Ông	720	600	720	600	x	Nâng cấp sửa chữa đường nội thôn Kon Hia 1	UBND xã Đăk Rơ Ông	720	600	720	600		
14	Nâng cấp, sửa chữa đoạn đường từ UBND xã qua thôn Chung Tam đến thôn Pu Tá	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Măng Ri	880	800	880	800		Nâng cấp, sửa chữa đoạn đường từ UBND xã qua thôn Chung Tam đến thôn Pu Tá	UBND xã Măng Ri	880	800	880	800		
15	Nước tự chảy phục vụ mô hình trồng dược liệu và các loại cây trồng ứng dụng công nghệ cao xã Đăk Na	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Na	1.265	1.150	1.265	1.150		Nước tự chảy phục vụ mô hình trồng dược liệu và các loại cây trồng ứng dụng công nghệ cao xã Đăk Na	UBND xã Đăk Na	1.265	1.150	1.265	1.150		
16	Hội trường Đa Năng Xã Đăk Hà	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Hà	2.401	1.150	2.401	1.150		Hội trường Đa Năng Xã Đăk Hà	UBND xã Đăk Hà	2.300	1.150	2.300	1.150		Điều chỉnh tổng mức đầu tư
17	Hội trường Đa Năng Xã Tê Xăng	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Tê Xăng	2.286	1.150	2.286	1.150		Hội trường Đa Năng Xã Tê Xăng	UBND xã Tê Xăng	2.300	1.150	2.300	1.150		
18	Hội trường Đa Năng Xã Đăk Tờ Kan	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Tờ Kan	2.300	1.164	2.300	1.164		Hội trường Đa Năng Xã Đăk Tờ Kan	UBND xã Đăk Tờ Kan	2.300	1.164	2.300	1.164		
19	Cầu treo Đăk Tu thôn Kon Cung	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Sao	1.265	1.150	1.265	1.150		Cầu treo Đăk Tu thôn Kon Cung	UBND xã Đăk Sao	1.265	1.150	1.265	1.150		
20	Hội trường Đa Năng Xã Đăk Na	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Na	2.416	1.164	2.416	1.164		Hội trường Đa Năng Xã Đăk Na	UBND xã Đăk Na	2.300	1.164	2.300	1.164		
21	Hội trường Đa Năng Xã Văn Xuôi	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Văn Xuôi	2.286	1.150	2.286	1.150		Hội trường Đa Năng Xã Văn Xuôi	UBND xã Văn Xuôi	2.300	1.150	2.300	1.150		

TT	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025		Dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù	Danh mục dự án/công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025		Dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù	Ghi chú
			Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	*Trong đó: Vốn NSTW*	Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	*Trong đó: Vốn NSTW*				Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	*Trong đó: Vốn NSTW*	Tổng số *(tất cả các nguồn vốn)*	*Trong đó: Vốn NSTW*		
22	Giếng đào thôn Mô Bành (NSH)	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Rơ Ông	1.320	1.100	1.320	1.100	x	Giếng đào thôn Mô Bành (NSH)	UBND xã Đăk Rơ Ông	1.320	1.100	1.320	1.100		Điều chỉnh chủ đầu tư
23	Đường giao thông thôn Đăk Văn 1, xã Văn Xuôi	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Văn Xuôi	873	727	873	727	x	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng thủy lợi Lộc Bông thôn Long Tro	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Văn Xuôi	873	727	873	727	x	Điều chỉnh tên công trình
III	**Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**							**Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**							
	Kế hoạch vốn ĐTPT năm 2021 chuyển sang thực hiện năm 2022							**Kế hoạch vốn ĐTPT năm 2021 chuyển sang thực hiện năm 2022**							
1	Đường nội thôn Đăk Xia (sưa chữa nâng cấp đường nội thôn đoạn nối QL 40b đi làng Kô Xia I cũ)	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Ngọk Lây	275	250	275	250	x	Đường nội thôn Đăk Xia (sửa chữa nâng cấp đường nội thôn đoạn nối QL 40b đi làng Kô Xia I cũ)	UBND xã Ngọk Lây	275	250	275	250		Điều chỉnh chủ đầu tư
2	Giếng đào (15 cái)	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Tê Xăng	495	450	495	450	x	Giếng đào (15 cái)	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Tê Xăng	585	450	585	450	x	Điều chỉnh tổng mức đầu tư
3	Giếng đào thôn Kạch Lớn 1	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Sao	660	600	660	600	x	Giếng đào thôn Kạch Lớn 1 và Kạch Lớn 2	Ban quản lý thực hiện các Chương trình MTQG xã Đăk Sao	780	600	780	600	x	Điều chỉnh tên công trình và tổng mức đầu tư